TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ DẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 04-5-2018
"V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tài

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tuyển

2. Bà Trần Ánh Nhạn

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Hồ Thị Ngọc Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

Ngày 04 tháng 5 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số 251/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2018, "Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị V, sinh năm: 1976; Địa chỉ: Ấp G, xã L, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

- *Bị đơn*: Ông Phạm Hoàng T, sinh năm: 1974; Địa chỉ: Ấp G, xã L, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Tạm trú: Ấp S, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Bà V có mặt, ông T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02 tháng 4 năm 2018 và qua các lần làm việc, nguyên đơn bà Nguyễn Thị V trình bày: Bà và ông T chung sống với nhau vào năm 1994, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống hạnh phúc đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn nên bà sống ly thân cho đến nay. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do ông T không quan tâm đến mẹ con bà. Thời gian ly thân bà và ông T không gặp nhau bàn bạc đoàn tụ. Nay nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà và ông T chung sống có 1 con chung tên Phạm Nguyễn Thị Diệu H, sinh ngày 16-02-1995, Nay cháu H đã thành niên tự lao động sinh sống được, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung : Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà khai không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 12 tháng 4 năm 2018 bị đơn ông Phạm Hoàng T trình bày: Vợ chồng ông sống chung với nhau vào năm 1994, có đăng ký kết hôn. Đến năm 2016 vợ chồng ông ly thân, ông về sống tại ấp S, xã P cho đến nay. Nay bà V yêu cầu ly hôn ông đồng ý.

Về con chung: Có 01 con chung như bà V khai là đúng, nay con đã thành niên tự lao động sinh sống được nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông T có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt các đương sự tại phiên tòa là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà V và ông T chung sống với nhau từ năm 1994, hôn nhân tự nguyện. Ông bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện T vào ngày 28-02-2011, nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nay bà V có yêu cầu ly hôn Tòa án thụ lý và giải quyết theo thủ tục chung.

Xét mâu thuẫn giữa ông bà thì thấy: Cả hai đều trình bày vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do sống không hòa hợp nhau nên dẫn đến việc vợ chồng ly thân. Từ ngày ông bà ly thân không ai có thiện chí hàn gắn gia đình. Nay bà V yêu cầu ly hôn ông T đồng ý. Xét thấy mâu thuẫn giữa ông bà đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà V là có căn cứ.

[3] Về con chung: Có 01 con chung là cháu Phạm Nguyễn Thị Diệu H, sinh ngày 16-02-1994, hiện Cháu H đã thành niên và tự lao động sinh sống được, ông bà không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Ông bà không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về nợ chung: Ông bà khai không có nên không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị V phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm hôn nhân.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1.Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị V đối với ông Phạm Hoàng T. Bà V được ly hôn với ông T.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên Phạm Nguyễn Thị Diệu H, sinh ngày 16-02-1994, hiện cháu H đã thành niên và tự lao động sinh sống được, ông bà không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung: Ông bà không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Về nợ chung: Ông bà khai không có nên không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị V phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0013275 ngày 02-4-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Bà V đã nộp đủ tiền án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Chi cục THADS huyện Gò Dầu;
- Các đương sự;
- UBND xã G;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Tài